

CÔNG ĐOÀN NGÀNH Y TẾ

**CÔNG ĐOÀN NGÀNH Y TẾ CƠ SỞ
BỆNH VIỆN ĐKKV NINH HÒA**



**TẬP HUẤN
CÁN BỘ CÔNG
ĐOÀN**

VỀ CÔNG TÁC NỮ CÔNG VÀ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN

**Đ/c LÊ THỊ HỒNG
TRƯỞNG BAN NỮ CÔNG**

I. CÔNG TÁC NỮ CÔNG

1. Công tác nữ công (Điều 35 Điều lệ CĐVN)

Công tác nữ công là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp, nhằm phát huy vai trò và đảm bảo nghĩa vụ, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của lao động nữ theo quy định của pháp luật.

2. Ban nữ công công đoàn (Điều 36 Điều lệ CĐVN)

1. Ban nữ công công đoàn có nhiệm vụ tham mưu giúp ban chấp hành công đoàn cùng cấp về công tác xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến lao động nữ, về giới, bình đẳng giới, vì sự phát triển của phụ nữ, công tác cán bộ nữ, dân số, sức khỏe sinh sản, gia đình, trẻ em; đại diện tham gia giải quyết các vấn đề có liên quan trực tiếp đến lao động nữ và trẻ em.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành Trung ương và tương đương được thành lập, chỉ đạo ban nữ công (ban nghiệp vụ) và bố trí cán bộ làm công tác nữ công theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cơ sở được thành lập và chỉ đạo hoạt động ban nữ công quần chúng.

3. Công tác nữ công và ban nữ công công đoàn theo (Hướng dẫn thi hành Điều lệ CĐVN)

25.1. Ban nữ công nghiệp vụ:

Được thành lập ở cơ quan công đoàn cấp tỉnh, thành phố, công đoàn ngành Trung ương và tương đương trở lên theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

25.2. Ban nữ công quần chúng:

a. Ban nữ công quần chúng được thành lập ở công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và công đoàn cơ sở, do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết định thành lập và chỉ định các thành viên theo nhiệm kỳ của ban chấp hành cùng cấp. Đối với công đoàn cơ sở có dưới 10 nữ đoàn viên thì phân công một đồng chí trong ban chấp hành phụ trách công tác nữ công (không thành lập ban nữ công quần chúng).

3. Công tác nữ công và ban nữ công công đoàn theo (Hướng dẫn thi hành Điều lệ CĐVN)

b. Ban nữ công quần chúng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của BCH CĐ cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ nữ công của ban nữ công cấp trên. BCH công đoàn phân công một nữ ủy viên BTV, hoặc ủy viên BCH phụ trách ban nữ công, hoặc trực tiếp làm trưởng ban nữ công.

c. Số lượng thành viên ban nữ công quần chúng do BCH CĐ cùng cấp quyết định nhưng không vượt quá (2/3) số lượng ủy viên BCH CĐ cùng cấp. Cơ cấu ban nữ công quần chúng cấp trên trực tiếp cơ sở gồm đại diện một số ban nữ công cấp cơ sở và nữ cán bộ CĐ chuyên trách cấp trên trực tiếp cơ sở.

3. Công tác nữ công và ban nữ công công đoàn theo (Hướng dẫn thi hành Điều lệ CĐVN)

d. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban nữ công quần chúng:

- Tham mưu giúp BCH CĐ cùng cấp xây dựng chương trình, nội dung, kinh phí tổ chức các hoạt động triển khai công tác nữ công trong nhiệm kỳ và hàng năm.
- Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nữ đoàn viên, người lao động và phản ánh, đề xuất, kiến nghị với ban chấp hành công đoàn cùng cấp; Tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện chế độ, chính sách lao động nữ, tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nữ đoàn viên, người lao động. Phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên nữ ưu tú để giới thiệu cho ban chấp hành công đoàn trong quá trình tham gia công tác quy hoạch, đào tạo và xem xét giới thiệu bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo các cấp. Đại diện cho nữ đoàn viên, người lao động tham gia các tổ chức hợp pháp có liên quan đến lao động nữ, trẻ em, dân số, gia đình, bình đẳng giới và vì sự phát triển của phụ nữ.
- Tuyên truyền, giáo dục nữ đoàn viên, người lao động về đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và những nội dung có liên quan đến lao động nữ nói riêng. Tổ chức phong trào thi đua giỏi việc nước, đảm việc nhà trong nữ đoàn viên, người lao động. Vận động nữ đoàn viên, người lao động tham gia các hoạt động xã hội và các phong trào thi đua chung do công đoàn phát động.

4. Tiêu chuẩn của người cán bộ nữ công

Để thực hiện được chức năng tham mưu cho ban thường vụ Công đoàn các cấp, người cán bộ nữ công cần:

- Có nhiệt tình.
- Có năng lực.
- Có kinh nghiệm vận động nữ CNVC-LĐ và được chị em tin yêu.
- Am hiểu kiến thức về kinh tế, xã hội và luật pháp, chính sách, chế độ có liên quan trực tiếp đến lao động nữ và trẻ em.
- Có một gia đình hạnh phúc.
- Thiết tha với sự nghiệp giải phóng phụ nữ.
- Có sức khỏe và có điều kiện hoạt động.

5. Tiêu chuẩn đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”

1. Tiêu chuẩn “Giỏi việc nước”

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác được phân công, đạt danh hiệu lao động tiên tiến hàng năm.
- Thực hiện tốt nội quy, quy chế của cơ quan; chấp hành tốt thời giờ làm việc của cơ quan; tham gia các hoạt động do cơ quan hoặc Công đoàn cơ quan tổ chức.
- Tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
- Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong công tác, trong sinh hoạt, góp ý chân tình thẳng thắn với tinh thần đoàn kết xây dựng; phát ngôn có tổ chức, không phát ngôn gây chia rẽ, bè phái, cục bộ.

5. Tiêu chuẩn đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” (tt)

2. Tiêu chuẩn “Đảm việc nhà”

- Xây dựng gia đình hòa thuận, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, cha mẹ mẫu mực, con cái hiếu thảo, học hành tiến bộ, nuôi con khỏe dạy con ngoan.
- Thực hiện sinh đẻ có kế hoạch.
- Thực hiện chi tiêu trong gia đình có kế hoạch và tiết kiệm. Gia đình không có người vi phạm pháp luật, không có người vi phạm các tệ nạn xã hội.
- Tham gia sinh hoạt và các hoạt động xã hội do địa phương nơi cư trú tổ chức. Có mối quan hệ đoàn kết, thân ái, quan tâm đến mọi người tại nơi cư trú. Đạt gia đình văn hóa.

6. Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”

1. Mục tiêu phong trào:

1.1 Vì sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa, động viên nữ CNVC-LĐ phát huy tài năng, trí tuệ, lao động giỏi, lao động sáng tạo, rèn luyện tác phong công nghiệp, thực hành tiết kiệm, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội của đất nước.

1.2 Xây dựng người nữ CNVC-LĐ có trình độ, năng lực và sức khỏe, có lòng nhân hậu, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, nuôi dạy con ngoan, học giỏi, xây dựng gia đình bền vững, hạnh phúc.

6. Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” (tt)

2. Nội dung phong trào:

Từ những mục tiêu trên, nội dung của phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” được cụ thể hóa như sau :

2.1 Tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, giỏi chuyên môn nghiệp vụ tay nghề, lao động giỏi, lao động sáng tạo với năng suất, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm.

2.2 Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, chống tham nhũng, chống tiêu cực, chống các tệ nạn xã hội.

2.3 Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, tổ chức tốt cuộc sống gia đình, nuôi dạy con ngoan, học giỏi, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, xây dựng tình yêu lành mạnh, xây dựng gia đình bền vững, hạnh phúc.

2.4 Đoàn kết, nhân ái, nhân hậu, thủy chung, luôn quan tâm đến mọi người ở nơi làm việc, nơi sống và trong xã hội.

6. Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” (tt)

3. Tiêu chuẩn thi đua:

Căn cứ vào nội dung của phong trào thi đua, các cấp công đoàn cần cụ thể hóa tên phong trào, tiêu chuẩn thi đua cho từng đối tượng nữ CNVC-LĐ sao cho sát, phù hợp với đặc điểm của đơn vị, đồng thời phải gắn với tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước.

Tiêu chuẩn chung nhất để đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” cần phải có:

3.1. Đối với cá nhân:

Hàng năm phải đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, gia đình được địa phương nơi sinh sống công nhận là “Gia đình văn hóa”; ở địa phương nào không bình bầu “Gia đình văn hóa” thì xét cụ thể : gia đình hạnh phúc, nuôi con ngoan, học giỏi, không có người vi phạm các tệ nạn xã hội.

6. Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”

3. Tiêu chuẩn thi đua (tt):

3.2. Đối với tập thể:

- Tập thể phải có số lượng lao nữ từ 50% trở lên trên tổng số CNVC-LĐ.
- Có phát động, tổ chức cho nữ CNVC-LĐ đăng ký thực hiện và duy trì phong trào thi đua; hàng năm có sơ kết, bình bầu danh hiệu cấp cơ sở và lựa chọn các điển hình xuất sắc để khen thưởng.
- Không có nữ CNVC-LĐ vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên; không có người vi phạm ba mục tiêu dân số-kế hoạch hóa gia đình, vi phạm pháp luật hoặc bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội.
- Có từ 70% CNVC-LĐ nữ trở lên đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” các cấp.

6. Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”

3. Tiêu chuẩn thi đua (tt):

3.3. Danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” vẫn được xét tặng cho các đối tượng sau :

- Nữ CNVC-LĐ nghỉ sinh con trong diện (con thứ nhất và thứ hai) trước và sau khi hết thời gian nghỉ thai sản theo chế độ vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt “Gia đình văn hóa”.
- Nữ thanh niên hoặc CNVC-LĐ nữ chưa có con, đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và làm tốt chức năng người con hiếu thảo, người chị, người em trong gia đình, góp sức xây dựng gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”.
- Nữ CNVC-LĐ có thuê người giúp việc trong gia đình thì ngoài việc đạt tiêu chuẩn “Lao động tiên tiến” còn biết tổ chức, quản lý tốt gia đình, thực hiện tốt vai trò người vợ, người mẹ, người bà xây dựng gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”.

II. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CÔNG ĐOÀN

1. Tài chính công đoàn Điều 37 Điều lệ CĐVN

1.1. Công đoàn thực hiện quản lý, sử dụng tài chính theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Tài chính của công đoàn gồm các nguồn thu sau đây:

- a. Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng hằng tháng bằng một phần trăm (1%) tiền lương.
- b. Kinh phí công đoàn do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng bằng hai phần trăm (2%) quỹ tiền lương của người lao động. Tiền lương là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.
- c. Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ.
- d. Các nguồn thu khác: Thu từ các hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động kinh tế của công đoàn; từ đề tài, đề án do Nhà nước giao; từ viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

1. Tài chính công đoàn Điều 37 Điều lệ CĐVN

1.2. Tài chính công đoàn dùng để chi các khoản sau đây:

- a. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động;
- b. Tổ chức hoạt động đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động;
- c. Phát triển đoàn viên công đoàn, thành lập công đoàn cơ sở, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh;
- d. Tổ chức phong trào thi đua do công đoàn phát động;
- đ. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn; đào tạo, bồi dưỡng người lao động ưu tú tạo nguồn cán bộ cho Đảng, Nhà nước và tổ chức Công đoàn;
- e. Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch cho người lao động;
- g. Tổ chức hoạt động về giới và bình đẳng giới;
- h. Thăm hỏi, trợ cấp cho đoàn viên công đoàn và người lao động khi ốm đau, thai sản, hoạn nạn, khó khăn; tổ chức hoạt động chăm lo khác cho người lao động;
- i. Động viên, khen thưởng người lao động, con của người lao động có thành tích trong học tập, công tác;
- k. Trả lương cán bộ chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ công đoàn không chuyên trách;
- l. Chi cho hoạt động của bộ máy công đoàn các cấp;
- m. Các nhiệm vụ chi khác.

2. Tài sản của Công đoàn (Điều 38 Điều lệ CĐVN)

1. Tài sản được hình thành từ nguồn đóng góp của đoàn viên công đoàn, từ nguồn vốn của công đoàn; tài sản do Nhà ước chuyển giao quyền sở hữu cho công đoàn và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật là tài sản thuộc sở hữu của công đoàn.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện quyền, trách nhiệm sở hữu tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật.

3. Công đoàn các cấp được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng các tài sản và chịu trách nhiệm trước Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và trước pháp luật về việc sử dụng và quản lý các tài sản đó.

3. Nguồn thu tài chính công đoàn (*Điều 4 Quyết định 1910/QĐ-TLĐ*)

a. Thu kinh phí công đoàn.

2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động (**năm 2019 CĐCS được sử dụng 69% số thu kinh phí công đoàn**)..

b. Thu đoàn phí công đoàn.

1% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội (**năm 2019 CĐCS được sử dụng 40% số thu đoàn phí công đoàn**).

c. Thu khác (CĐCS được sử dụng 100% số thu khác).

4. Nguồn tài chính công đoàn cơ sở được sử dụng và phân bổ nguồn kinh phí cho các khoản mục chi (*Điều 5 Quyết định 1910/QĐ-TLĐ*)

1. Chi lương, phụ cấp cán bộ công đoàn chuyên trách và phụ cấp cán bộ công đoàn	không quá 30%
2. Chi quản lý hành chính	không quá 10%
3. Chi hoạt động phong trào	60%
Trong đó: + <i>Chi hỗ trợ du lịch</i>	<i>không quá 10%</i>
+ <i>Chi trợ cấp khó khăn</i>	<i>không quá 10%</i>
+ <i>Hoạt động phong trào</i>	40%

5. Chi tài chính công đoàn cơ sở (Điều 6 Quyết định 1910/QĐ-TLĐ)

1- Chi lương, phụ cấp cán bộ công đoàn chuyên trách và phụ cấp CBCĐ không chuyên trách: 30%

2- Chi quản lý hành chính: 10%

3- Chi hoạt động phong trào: 60%

3.1. Chi tuyên truyền.

3.2. Chi tổ chức hoạt động đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên công đoàn và người lao động

3.3. Chi phát triển đoàn viên công đoàn, thành lập công đoàn cơ sở, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh

3.4. Chi tổ chức phong trào thi đua.

3.5. Chi đào tạo cán bộ

3.6. Chi tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch.

3.7. Chi tổ chức các hoạt động về giới và bình đẳng giới:

3.8. Chi thăm hỏi, trợ cấp .

3.9. Chi động viên, khen thưởng.

3.10. Chi hoạt động khác.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!